

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 – 6 - 2020  
V/v ly hôn và tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Lâm;

2. Ông Đặng Minh Lý.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N T T, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố 7, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông N T T, sinh năm 1994; địa chỉ: ,Khu phố 5, phường , thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 04, Quyền số 01 ngày 23/01/2016 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bị đơn thường xuyên uống rượu, đánh bạc và không chăm lo gia đình dẫn đến nợ nhiều người. Nguyên đơn phải một mình chăm lo gia đình và nuôi con. Các bên đã ly thân từ tháng 11 năm 2019. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 (một) con chung tên N P T, sinh ngày 18/8/2017. Nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Trường hợp Tòa án giải quyết ly

hôn, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc nuôi con con chung. Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn tại bản tự khai trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất về quá trình kết hôn, chung sống, ly thân như nguyên đơn trình bày. Mâu thuẫn của các bên là do vấn đề kinh tế gia đình. Bị đơn mong muốn Tòa án xem xét hòa giải cho các bên.

- *Về con chung*: Thống nhất trước yêu cầu của nguyên đơn về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham tố tụng nên phải chịu hậu quả khi từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đến với hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn Số 04, Quyền số 01 ngày 23/01/2016 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng các bên đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ kinh tế gia đình. Ngoài ra nguyên đơn cho rằng bị đơn không chăm lo gia đình, uống rượu thường xuyên và đánh bạc nên vợ chồng mâu thuẫn cả vãi. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019. Bị đơn sau khi làm bản tự khai được Tòa án triệu tập nhiều lần đến hòa giải và tham qua phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn không muốn hàn gắn, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất có 01 (một) con chung tên N P T, sinh ngày 18/8/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn con chung sẽ do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ mỗi tháng. Xét thấy hiện cháu Trinh đang được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy việc các bên thỏa thuận sau ly hôn nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và việc cấp dưỡng nuôi con của bị đơn là tự nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Bà N T T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T T đối với bị đơn ông N T T về ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T T được ly hôn với ông N T T.

- Về con chung: Giao bà N T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung N P T, sinh ngày 18/8/2017. Ông N T T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà T và ông T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà N T T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041482 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Ông N T T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường H , thành phố Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Quý**